

THÔNG TƯ

Quy định về việc cấp và kiểm tra Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc cấp và kiểm tra Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale, sau đây viết tắt là CFS) đối với sản phẩm, hàng hóa được sản xuất trong nước để xuất khẩu; kiểm tra CFS đối với hàng hoá nhập khẩu để lưu thông tại Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các thiết bị an toàn bức xạ hạt nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Người đề nghị cấp CFS bao gồm: thương nhân xuất khẩu, nhà sản xuất, người đại diện có giấy ủy quyền hợp pháp của thương nhân xuất khẩu hoặc nhà sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI CFS ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Điều 3. Điều kiện cấp CFS

Các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước để xuất khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này được cấp CFS khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có yêu cầu của người đề nghị cấp CFS.
2. Có tiêu chuẩn công bố áp dụng và bằng chứng chứng minh sản phẩm, hàng hóa đó phù hợp tiêu chuẩn đã công bố.

Điều 4. Trình tự, thủ tục cấp CFS

1. Đăng ký hồ sơ thương nhân

Người đề nghị cấp CFS phải đăng ký hồ sơ thương nhân tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng khi đề nghị cấp CFS lần đầu tiên và chỉ được xem xét cấp CFS khi đã đăng ký hồ sơ thương nhân.

Việc đăng ký hồ sơ thương nhân thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu (sau đây viết tắt là Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg).

2. Nộp hồ sơ đề nghị cấp CFS

Người đề nghị cấp CFS có nhu cầu được cấp CFS để xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa lập 01 bộ hồ sơ đề nghị và gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hồ sơ đăng ký gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp CFS theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Tiêu chuẩn công bố áp dụng (bản chính) kèm theo bằng chứng chứng minh sản phẩm, hàng hóa đó phù hợp tiêu chuẩn đã công bố.

3. Thẩm xét hồ sơ và cấp CFS

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thẩm xét hồ sơ và cấp CFS cho sản phẩm, hàng hóa theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. CFS có giá trị hiệu lực 02 năm kể từ ngày cấp.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trả lại hồ sơ và hướng dẫn người đề nghị cấp CFS bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Trường hợp thẩm xét hồ sơ nhận thấy chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các CFS đã cấp trước đó, Tổng

cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có thể tiến hành kiểm tra thực tế tại nơi sản xuất hoặc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đủ năng lực thực hiện việc đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn công bố áp dụng. Chi phí kiểm tra, đánh giá do người đề nghị cấp CFS chi trả. Sau khi có kết quả đánh giá, kiểm tra thực tế, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành:

- Cấp CFS theo quy định tại điểm a khoản này nếu hồ sơ đề nghị cấp CFS bổ sung đầy đủ và hợp lệ;

- Ra thông báo bằng văn bản cho người đề nghị cấp CFS về việc từ chối cấp CFS nếu sản phẩm, hàng hóa không đáp ứng điều kiện cấp CFS quy định tại Điều 3 của Thông tư này hoặc hồ sơ có mâu thuẫn về nội dung hoặc hồ sơ có chứng từ giả mạo.

Điều 5. Cấp lại CFS

1. Trường hợp CFS còn thời hạn hiệu lực

Trong thời hạn hiệu lực của CFS, nếu người đề nghị cấp CFS có nhu cầu cấp lại bản sao chứng thực CFS do bản gốc CFS bị mất hoặc thất lạc hoặc bị hư hỏng, người đề nghị cấp CFS nộp đơn đề nghị cấp lại bản sao chứng thực CFS gốc theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp bản sao chứng thực của CFS gốc theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nếu thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp lại CFS xác thực và hợp lệ so với thông tin trong hồ sơ cấp CFS gốc lưu tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Bản sao này mang ngày cấp và thời hạn hiệu lực của bản CFS gốc.

Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp lại CFS có nội dung mâu thuẫn, không thống nhất với thông tin trong hồ sơ cấp CFS gốc, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra thông báo bằng văn bản về việc từ chối cấp lại bản sao có chứng thực của CFS gốc.

2. Trường hợp CFS đã cấp hết thời hạn hiệu lực

Khi CFS đã cấp hết thời hạn hiệu lực, nếu có nhu cầu cấp lại CFS, người đề nghị cấp CFS thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này.

Điều 6. Thu hồi CFS đã cấp

Việc thu hồi CFS đã cấp được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg.

Chương III

KIỂM TRA CFS CỦA HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Điều 7. Yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu phải có CFS

Việc yêu cầu cụ thể hàng hóa nhập khẩu phải có CFS được Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu quản lý để làm cơ sở cho việc xác nhận hồ sơ chất lượng hàng hóa nhập khẩu hoặc cấp các giấy chứng nhận khác.

Điều 8. Kiểm tra CFS của hàng hóa nhập khẩu

1. Cơ quan kiểm tra CFS

Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố là cơ quan kiểm tra CFS đối với hàng hóa nhập khẩu theo phân công trách nhiệm quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra hàng hóa nhập khẩu.

2. Kiểm tra CFS

Cơ quan kiểm tra CFS nêu tại khoản 1 Điều này tiến hành việc kiểm tra CFS khi xem xét, thẩm định hồ sơ chất lượng hàng hoá nhập khẩu hoặc cấp các giấy chứng nhận khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu yêu cầu phải có CFS nhưng trong hồ sơ nhập khẩu không có CFS, cơ quan kiểm tra CFS từ chối cấp xác nhận hồ sơ chất lượng hàng hóa nhập khẩu hoặc cấp các giấy chứng nhận khác bằng văn bản yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của CFS hoặc hàng hóa không phù hợp với CFS đã cấp, cơ quan kiểm tra CFS thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg.

Trường hợp có bằng chứng về việc hàng hóa nhập khẩu đã được chấp nhận CFS nhưng không đáp ứng tiêu chuẩn đã công bố khi lưu thông trên thị trường, cơ quan kiểm tra CFS thông báo cho người nhập khẩu và xem xét việc từ chối CFS đối với các lô hàng nhập khẩu tiếp theo. Cơ quan kiểm tra chỉ tiếp tục chấp nhận CFS khi người nhập khẩu cung cấp đầy đủ bằng chứng chứng minh chất lượng hàng hóa nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố đối với lô hàng nhập khẩu.

Trường hợp cơ quan cấp CFS của nước xuất khẩu xác nhận CFS của hàng hóa nhập khẩu là không xác thực, cơ quan kiểm tra CFS có quyền từ chối chấp nhận CFS của hàng hóa nhập khẩu.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, hướng dẫn quản lý hoạt động cấp CFS cho sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và kiểm tra CFS của hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp, cấp lại CFS đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này.

3. Thu hồi CFS đã cấp theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg.

4. Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra CFS cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến việc kiểm tra CFS theo quy định tại Thông tư này.

5. Định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp, cấp lại và kiểm tra CFS của các sản phẩm, hàng hóa.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra CFS

1. Kiểm tra CFS của hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.
2. Định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo gửi Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về tình hình kiểm tra CFS của hàng hóa nhập khẩu.

Điều 11. Trách nhiệm của nhà sản xuất, thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa

1. Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan cấp CFS, cơ quan kiểm tra CFS đối với các nội dung quy định tại Thông tư này.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành về tính chính xác, xác thực đối với các khai báo liên quan đến việc đề nghị cấp, cấp lại CFS và CFS của hàng hóa nhập khẩu.
3. Chịu sự giám sát, kiểm tra và thanh tra về các nội dung theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong Thông tư này có sự sửa đổi, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Quân

Phụ lục I

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỀ XUẤT KHAI THƯƠNG THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2010/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá
1.	Xăng
2.	Nhiên liệu điêzen
3.	Nhiên liệu sinh học gốc
3.1	Etanol nhiên liệu biến tính dùng để trộn với xăng sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đánh lửa
3.2	Nhiên liệu điêzen sinh học gốc (B100)
4.	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
5.	Phụ gia xăng, dầu
6.	Đồ chơi trẻ em
7.	Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy
8.	Các thiết bị điện và điện tử gia dụng
9.	Thép cốt bê tông
10.	Phương tiện, dụng cụ đo lường và các sản phẩm, hàng hoá khác, trừ các sản phẩm đã nêu từ khoản 1 đến khoản 13 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia

Phụ lục II

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2010/TT-BKHHCN
ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cơ quan chủ quản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên Công ty

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Website (nếu có): E-mail:.....

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, Công ty chúng tôi đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do - (Certificate of Free Sale - CFS) đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của Công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc số đăng ký (*)	Số hiệu tiêu chuẩn	Thành phần hàm lượng hoạt chất (nếu có)	Nước nhập khẩu
1					
2					

Hồ sơ kèm theo:

-

-

Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã kê khai.

(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) là số hiệu các bằng chứng chứng minh sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn đã công bố như số Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn/hợp quy hoặc số phiếu kết quả thử nghiệm hoặc số chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy hoặc số kết quả giám định...

www.
Tel: +84-9-3930 3279 *
LawSoft

Phụ lục III**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO***(Ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2010/TT-BKHCN**ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)***MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ)****GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO
CERTIFICATE OF FREE SALE**Số/Ref.N^o:

Kính gửi các bên liên quan,

*To Whom It May Concern,*Chúng nhận sản phẩm được liệt kê trong danh mục dưới đây: / *This is to certify that the product listed below is:*

- Được sản xuất bởi/ *manufactured by:*
- Tại địa chỉ/ *at address:*
- Điện thoại/tel: *Fax:*

Danh mục sản phẩm bao gồm/ *List of the products includes:*

TT No	Tên sản phẩm Name of product	Loại, nhóm Category
1.		
2.		

Các sản phẩm trên được sản xuất và bán tự do tại Việt Nam/ *The referred products are manufactured and freely sold in Vietnam market.*Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày... / *This certification is valid until...*Hà Nội, ngày tháng năm
*Ha Noi, date month year***TỔNG CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL**

Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI BẢN SAO CHỨNG THỰC
CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO GỐC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2010/TT-BKHHCN
ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cơ quan chủ quản
Tên Công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên công ty:
Địa chỉ:
Số điện thoại: Số Fax:
Website (nếu có): Email:.....

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, Công ty đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS) đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của Công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc số đăng ký (*)	Số hiệu tiêu chuẩn	Thành phần hàm lượng hoạt chất (nếu có)	Nước nhập khẩu	Số tham chiếu của CFS gốc	Ngày tháng năm cấp CFS gốc
1							
2							
3							

Do (đánh mất hoặc thất lạc hoặc làm hư hỏng) các CFS bản gốc đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp trên nên Công ty chúng tôi đề nghị Quý Tổng cục cấp lại bản sao chứng thực của CFS gốc cho các sản phẩm, hàng hóa trên.

Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trên.

(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) là số hiệu các bằng chứng chứng minh sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn đã công bố như số Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn/hợp quy hoặc số phiếu kết quả thử nghiệm hoặc số chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy hoặc số kết quả giám định...

Phụ lục V

MẪU BẢN SAO CHỨNG THỰC GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2010/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY (STAMQ)**

Địa chỉ/Add.:
Fax:

Điện thoại/Tel:
E-mail:

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO
(BẢN SAO CHỨNG THỰC)
CERTIFICATE OF FREE SALE
(CERTIFIED TRUE COPY)**

Số/Ref.Nº:

Kính gửi các bên liên quan,

To Whom It May Concern,

Chứng nhận sản phẩm được liệt kê trong danh mục dưới đây: / *This is to certify that the product listed below is:*

- Được sản xuất bởi/ *manufactured by:*
- Tại địa chỉ/ *at address:*
- Điện thoại/tel: *Fax:*

Danh mục sản phẩm bao gồm/ *List of the products includes:*

TT No	Tên sản phẩm Name of product	Loại, nhóm Category
1.		
2.		

Các sản phẩm trên được sản xuất và lưu hành tự do tại Việt Nam/ *The referred products are manufactured and freely sold in Vietnam market.*

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày.../ *This certification is valid until...*

Hà Nội, ngày tháng năm
Ha Noi, date month year

**TỔNG CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL**